

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2021

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NÚ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Sỹ Phác

2. Bà Sào Thị Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ánh K – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đăk Nông (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: ông Bùi Văn U’ – sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đăk Nông (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2021 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh K trong quá trình giải quyết vụ án thì: bà và ông Bùi Văn U’ kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Đăk Nông, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 4 con chung là các cháu Bùi Nữ Thảo L – sinh ngày 17/11/2002, Bùi Nữ Quỳnh N – sinh ngày 05/9/2006 (cháu bị bệnh bại não), Bùi Nữ Diễm M – sinh ngày 16/7/2013, Bùi Quốc Đ, sinh ngày 02/10/2014. Tài sản chung: Có nhà và đất rẫy. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà làm đơn xin ly hôn với ông Bùi Văn U’ là do bất đồng quan điểm sống, ông U’ sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, tính tình gia trưởng, cố chấp nên những việc nhỏ nhặt, đơn giản trong cuộc sống cũng khiến vợ chồng phát sinh cãi vã, xúc phạm nhau. Cả hai đã ly thân hơn 6 tháng nay, trong thời gian này ông U’ cũng không có mong muốn hay ý định sửa chữa, gần gũi hôn nhân, thường xuyên

vắng nhà, không quan tâm đến vợ con. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Bùi Văn U. Về con chung: bà yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu Quỳnh N, Diễm M, Quốc Đ; không yêu cầu ông U cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng ông Bùi Văn U theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông U vắng mặt không có lý do.

Theo lời trình bày của các cháu Bùi Nữ Diễm M, Bùi Quốc Đ thì nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của con là ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh K đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Bùi Văn U đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh K; xử cho bà Nguyễn Thị Ánh K được ly hôn với anh ông Bùi Văn U; về con chung: giao cháu Bùi Nữ Quỳnh N – sinh ngày 05/9/2006 Bùi Nữ Diễm M – sinh ngày 16/7/2013, Bùi Quốc Đ, sinh ngày 02/10/2014 cho bà K nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: đương sự không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Ánh K yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Bùi Văn U, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Bùi Văn U) có đăng ký hộ khẩu và hiện trú tại thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị Ánh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Bùi Văn U đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ánh K và ông Bùi Văn U kết hôn với nhau năm 2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ

chồng không có biện pháp giải quyết hòa giải, ông Bùi Văn U' chưa làm tròn vai trò trách nhiệm của người chồng, người cha, cả hai bên sống thiếu niềm tin và trách nhiệm với nhau dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hậu quả dẫn đến cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, vợ chồng bà K, ông U' đã vi phạm nguyên tắc quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, xử cho bà K ly hôn với ông U' là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ánh K có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Bùi Nữ Quỳnh N – sinh ngày 05/9/2006 (cháu bị bệnh bại não), Bùi Nữ Diễm M – sinh ngày 16/7/2013, Bùi Quốc Đ, sinh ngày 02/10/2014. Đây cũng là nguyện vọng của cháu Diễm M, Quốc Đ. Xét thấy trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn và ly thân, bà K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do đó, để đảm bảo cho các cháu ổn định cuộc sống, cần giao các cháu cho bà K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[2.5] Về án phí DSST: bà Nguyễn Thị Ánh K phải nộp 300.000đ án phí DSST theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh K

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh K được ly hôn với ông Bùi Văn U'

2. Về con chung: Giao các cháu Bùi Nữ Quỳnh N – sinh ngày 05/9/2006, Bùi Nữ Diễm M – sinh ngày 16/7/2013, Bùi Quốc Đ, sinh ngày 02/10/2014 cho bà Nguyễn Thị Ánh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

*/Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

4. Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị Ánh K phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004857 ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng